ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 157 /KH-UBND	*Đồng Nai, ngày 27 tháng 3 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Thực hiện hoạt động công tác dân số năm 2026

Thực hiện Công văn số 1097/BYT-CDS ngày 14 tháng 02 năm 2026 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn thực hiện công tác dân số năm 2026;

Chủ tịch UBND Đồng Nai ban hành Kế hoạch thực hiện công tác dân số năm 2026 như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

- Thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới và Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

- Triển khai thực hiện Luật Dân số; nội dung dân số và phát triển trong Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035.

- Tiếp tục thực hiện các chương trình, đề án về công tác dân số, trọng tâm là Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

- Khuyến khích các cặp vợ chồng, cá nhân sinh con để đạt mức sinh thay thế; duy trì tỷ số giới tính khi sinh ổn định; nâng cao chất lượng dân số góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

2. Chỉ tiêu

- Tỷ suất sinh thô (CBR): tăng 0,2‰ so với năm 2025.

- Tỷ số giới tính khi sinh (SRB): 108 bé trai/100 bé gái sinh sống.

- Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe, trước khi kết hôn: 74%.

- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh) đủ 4 bệnh (Down, Edward, Patau, Thalassemia): 65%.

- Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh) đủ 5 bệnh (suy giáp trạng bẩm sinh, thiếu men G6PD, tăng sản thượng thận bẩm sinh, khiếm thính bẩm sinh, tim bẩm sinh): 86%.

- Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm: 76%.

- Số người mới thực hiện các biện pháp tránh thai hiện đại: 313.800 người.

(Phụ lục phân bổ chỉ tiêu kèm theo)

II. NỘI DUNG NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

- Triển khai, hướng dẫn thi hành Luật Dân số.

- Rà soát, nghiên cứu các chính sách dân số phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương

- Đánh giá, sơ kết các chương trình, đề án, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ nhằm điều chỉnh nội dung, chỉ tiêu phù hợp trong giai đoạn 2026 - 2030.

- Ban Chỉ đạo Dân số và Phát triển cấp tỉnh, xã tăng cường chỉ đạo, điều phối hoạt động giữa các ngành, cơ quan có liên quan đến lĩnh vực dân số và phát triển. Kiện toàn mô hình tổ chức bộ máy làm công tác dân số các cấp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính. Triển khai đội ngũ cộng tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em nhằm đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả; khuyến khích sự tham gia tích cực và tình nguyện của cộng đồng.

2. Triển khai đồng bộ các giải pháp về công tác dân số

Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện mục tiêu của Kế hoạch số 221/KH-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh về kế hoạch hành động giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Đồng Nai thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030, cụ thể:

a) Điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế giai đoạn 2026 – 2030 (theo Quyết định số 291/QĐ-TTg ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ).

- Tăng cường phổ biến, tuyên truyền, cung cấp thông tin pháp luật của Nhà nước về duy trì mức sinh thay thế; quy định không xem xét xử lý đối với trường hợp sinh con thứ 3 trở lên tại Hướng dẫn số 15-HD/UBKTTW ngày 20 tháng 3 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung Hướng dẫn số 05-HD/UBKTTW ngày 22 tháng 11 năm 2022 về thực hiện một số điều trong Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.

- Thực hiện vận động mỗi cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc.

- Đảm bảo hậu cần phương tiện tránh thai cho các đối tượng, ưu tiên các đối tượng thuộc diện được cấp phương tiện tránh thai miễn phí theo quy định:

+ Đối tượng ưu tiên cấp miễn phí phương tiện tránh thai tiếp tục áp dụng theo Hướng dẫn số 10578/BYT-TCDS ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y tế về thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh gồm: *"Đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo (bao gồm cả người đơn thân, vị thành niên, thanh niên); đối tượng bảo trợ xã hội; người làm việc trên biển trước khi đi biển dài ngày (từ 15 ngày trở lên) và khi cập bờ vào các âu thuyền tại các xã ven biển có từ 200 người trở lên làm việc trên biển"*.

+ Nguồn phương tiện tránh thai cấp miễn phí gồm: Phương tiện tránh thai miễn phí từ Trung ương (nếu có); Địa phương rà soát đối tượng ưu tiên và nhu cầu sử dụng, bố trí kinh phí mua các loại phương tiện tránh thai khác (thuốc cấy tránh thai, thuốc tiêm tránh thai, viên thuốc tránh thai, bao cao su) để cấp cho các đối tượng ưu tiên theo Chương trình Điều chỉnh mức sinh.

+ Đối với thuốc cấy tránh thai thực hiện mua sắm theo hình thức đàm phán giá tại Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Bộ Y tế. Các phương tiện tránh thai khác (thuốc tiêm tránh thai, viên uống tránh thai, bao cao su) mua sắm theo quy định của Luật Đấu thầu.

- Tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và nâng cao chất lượng dân số phù hợp với thực trạng mức sinh của địa phương.

- Tăng cường cung cấp thông tin, tuyên truyền, giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình cho vị thành niên, thanh niên.

- Triển khai các can thiệp phòng, tránh vô sinh tại cộng đồng: Các xã, phường tiếp tục thực hiện tư vấn, tuyên truyền kiến thức, kỹ năng dự phòng vô sinh tại cộng đồng cho vị thành niên, thanh niên.

- Đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ y tế, dân số, cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản, người cung cấp dịch vụ. Lồng ghép vào chương trình đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý trong trường chính trị, hành chính.

b) Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

- Xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2026 - 2030 (theo Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ).

- Duy trì vận hành ổn định hệ thống thông tin quản lý hậu cần phương tiện tránh thai phục vụ quản lý, theo dõi và điều phối phương tiện tránh thai kịp thời.

- Triển khai và giám sát thực hiện Quyết định ban hành Phiếu giám sát tình hình cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình của Trạm Y tế xã (Quyết định số 134/QĐ-BYT ngày 19/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế); Quyết định ban hành

Phiếu giám sát cộng tác viên dân số về tuyên truyền, tư vấn và cung cấp biện pháp tránh thai tại cộng đồng (Quyết định số 160/QĐ-CDS ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Cục trưởng Cục Dân số).

- Bổ sung thiết bị y tế, dụng cụ y tế thực hiện dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và nâng cấp cơ sở vật chất kho bảo quản phương tiện tránh thai, mạng lưới cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đảm bảo mọi người dân được tiếp cận dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, ưu tiên địa bàn khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới.

- Tăng cường tập huấn kỹ thuật dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; tư vấn kế hoạch hóa gia đình và các biện pháp tránh thai, nâng cao năng lực cung cấp kế hoạch hóa gia đình phi lâm sàng đảm bảo duy trì mạng lưới cung cấp dịch vụ và nâng cao chất lượng dịch vụ tại cơ sở.

- Tổ chức các loại hình cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình thường xuyên; chiến dịch, khám lưu động tại cộng đồng, chú trọng gói khám phụ khoa, dự phòng vô sinh, đối tượng khó tiếp cận, địa bàn trọng điểm, khu công nghiệp, khu kinh tế; các loại hình cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình thân thiện cho vị thành niên, thanh niên phù hợp trong tình hình mới.

- Triển khai các mô hình nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ kế hoạch hóa gia đình: hỗ trợ sinh sản; can thiệp, điều trị sớm một số nguyên nhân dẫn đến vô sinh tại cộng đồng; dự phòng, tầm soát vô sinh cho nhóm dân số trẻ; can thiệp giảm phá thai ở vị thành niên, thanh niên.

c) Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh

- Tổ chức truyền thông nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, bình đẳng giới, nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình và xã hội; lồng ghép nội dung kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh vào hoạt động của các ban, ngành, đoàn thể.

- Thực hiện phổ biến, giáo dục và nâng cao hiệu lực để thực thi những quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi. Tăng cường việc thực thi nghiêm các quy định của pháp luật về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh thông qua công tác kiểm tra, giám sát.

- Nâng cao kiến thức, kỹ năng liên quan đến tổ chức, triển khai thực hiện các hoạt động kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh: Tổ chức hoạt động tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức y tế - dân số, người cung cấp dịch vụ có liên quan.

- Tập trung nỗ lực, tạo chuyển biến rõ nét ở vùng xảy ra vấn đề mất cân bằng giới tính khi sinh: Đẩy mạnh triển khai các chiến dịch truyền thông, các chính sách hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng nhằm nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình, cộng đồng và xã hội.

d) Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh giai đoạn 2026 – 2030 (theo Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ).

- Triển khai tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn theo Quyết định số 3472/QĐ-BYT ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành hướng dẫn chuyên môn về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn.

- Phối hợp các Trung tâm sàng lọc tổ chức đào tạo, tập huấn,... nâng cao năng lực sàng lọc trước sinh và sơ sinh.

- Duy trì triển khai kỹ thuật sàng lọc trước sinh và sơ sinh tại các cơ sở y tế, mở rộng thực hiện sàng lọc đủ mặt bệnh thuộc gói dịch vụ cơ bản: sàng lọc trước sinh (4 bệnh) và sàng lọc sơ sinh (5 bệnh) theo Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Bộ Y tế về hướng dẫn, tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; Thông tư số 30/2019/TT-BYT ngày 03 tháng 12 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18 tháng 8 năm 2017 hướng dẫn, tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; Quyết định số 1807/QĐ-BYT ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh và các quy định hiện hành.

- Phối hợp các Trung tâm sàng lọc khu vực triển khai sàng lọc trước sinh và sơ sinh cho các đối tượng theo quy định tại Quyết định số 1999/QĐ-TTg và sử dụng hóa chất, vật tư của giai đoạn 2016-2020 thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 146/BYT-TCDS ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc hướng dẫn đối tượng sử dụng gói dịch vụ xét nghiệm sàng lọc trước sinh và sơ sinh miễn phí theo quy định tại Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 5708/BYT-TCDS ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc thông báo không thu phí gói dịch vụ xét nghiệm sàng lọc trước sinh và sơ sinh miễn phí theo quy Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Duy trì các hoạt động câu lạc bộ tiền hôn nhân tại cộng đồng và trong các buổi sinh hoạt ngoại khóa tại các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông.

- Đẩy mạnh truyền thông, tư vấn tại cộng đồng và tổ chức hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn tại các khu công nghiệp.

- Tổ chức lồng ghép hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn vào các hoạt động khác của địa phương.

- Triển khai cung cấp dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn: Đào tạo, tập huấn kiến thức, kỹ năng chuyên môn; tổ chức cung cấp dịch vụ theo phân tuyến kỹ thuật; kiểm tra, giám sát và hỗ trợ cung cấp dịch vụ.

đ) Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi giai đoạn 2026 - 2030 (theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ).

- Tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng, cung cấp kiến thức, kỹ năng, tư vấn, hướng dẫn người cao tuổi tự chăm sóc sức khỏe; phát triển, duy trì hoạt động của câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, lồng ghép nội dung chăm sóc sức khỏe người cao tuổi vào câu lạc bộ liên thế hệ và các loại hình câu lạc bộ khác của người cao tuổi; duy trì, phát triển, mạng lưới tình nguyện viên, tham gia chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; lồng ghép nội dung vận động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, tạo môi trường xã hội ủng hộ và tham gia chăm sóc sức khỏe người cao tuổi với chương trình, dự án về nông thôn mới và các chương trình, dự án khác có liên quan.

- Tập huấn, hướng dẫn thực hiện Chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, các nội dung thích ứng với già hóa dân số, hướng dẫn chuyên môn về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi tại Trạm Y tế.

- Tổ chức lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe người cao tuổi tại Trạm Y tế xã, phường theo quy định của Bộ Y tế.

- Tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ khám sức khỏe định kỳ, sàng lọc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi, lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho người cao tuổi ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, miền núi và biên giới.

- Xây dựng và phát triển các loại hình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại nhà và tại cộng đồng, trung tâm dưỡng lão/cơ sở chăm sóc người cao tuổi theo hình thức phù hợp, tiến tới xã hội hóa thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; ứng dụng công nghệ thông tin vào dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (mạng xã hội, internet,…).

e) Truyền thông dân số

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình Truyền thông dân số giai đoạn 2026 - 2030 (theo Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 17 tháng 04 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ).

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương thực hiện truyền thông, vận động, giáo dục về dân số. Các cơ quan báo chí phổ biến viết tin, bài và cung cấp thông tin về công tác dân số.

- Tuyên truyền, vận động tạo đồng thuận và nâng cao vai trò, trách nhiệm của các ngành, các cấp trong giải quyết các vấn đề quan trọng, liên ngành về dân

số và phát triển của mỗi địa phương. Quán triệt việc thực hiện chính sách dân số là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của mỗi cá nhân, gia đình và toàn xã hội.

- Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ truyền thông cơ sở.

- Truyền thông, vận động, khuyến khích các cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, sinh đủ hai con; giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; thích ứng với già hoá dân số, dân số già; tư vấn, khám sức khoẻ trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh và nâng cao chất lượng dân số. Chú trọng truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng là người chưa thành niên, thanh niên; người trong độ tuổi sinh đẻ; người cao tuổi; người dân tộc thiểu số, đặc biệt là các dân tộc thiểu số rất ít người; người lao động khu công nghiệp.

- Đa dạng hóa nội dung, hình thức truyền thông dân số trong đó ưu tiên truyền thông trên nền tảng số, mạng xã hội.

- Tổ chức các đợt chiến dịch, các hoạt động hưởng ứng sự kiện truyền thông dân số; các cuộc thi, triển lãm về dân số; tổ chức truyền thông trực tiếp tại cơ sở phù hợp với đặc điểm của từng địa bàn, từng nhóm đối tượng và khả năng cân đối ngân sách của mỗi địa phương.

- Tổ chức một số hoạt động truyền thông trọng điểm trong năm 2026 như:

+ Tổ chức các hoạt động hưởng ứng 65 năm ngày truyền thống dân số Việt Nam; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về mất cân bằng giới tính khi sinh, cuộc thi tìm hiểu chính sách pháp luật dân số trong tình hình mới trên nền tảng mạng xã hội; phổ biến các chính sách, pháp luật mới về dân số.

+ Tổ chức hoạt động truyền thông hưởng ứng ngày Thalassemia Thế giới (08/5), ngày tránh thai Thế giới (26/9), tháng hành động vì người cao tuổi Việt Nam (Tháng 10), ngày Quốc tế người cao tuổi (01/10) và ngày Quốc tế trẻ em gái (11/10). Phối hợp với một số địa phương tổ chức Lễ mít tinh và các hoạt động hưởng ứng ngày dân số Thế giới (11/7), tháng hành động Quốc gia về dân số (tháng 12), ngày Dân số Việt Nam (26/12).

- Sản xuất, nhân bản và phân phối các tài liệu và sản phẩm truyền thông; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, giao lưu, tọa đàm,… về công tác dân số.

g) Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số giai đoạn 2026 - 2030 (theo Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ).

- Tiếp tục triển khai công tác thu thập, cập nhật thông tin vào sổ A0 và kho dữ liệu chuyên ngành dân số. Tổng hợp, phân tích và lập báo cáo thống kê chuyên ngành dân số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

- Rà soát, đối chiếu dữ liệu trong Kho dữ liệu chuyên ngành dân số và kiểm tra, giám sát, thẩm định thông tin số liệu chuyên ngành.

- Duy trì, vận hành, quản trị, khai thác thông tin - số liệu, tổ chức tập huấn sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin chuyên ngành dân số (MIS) cho cán bộ dân số cấp xã.

- Triển khai thực hiện đổi sổ ghi chép ban đầu về dân số (sổ A0) giai đoạn 2026 - 2030.

h) Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp giai đoạn 2026 - 2030 (theo Quyết định số 520/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ).

- Tiếp tục tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho viên chức dân số và cộng tác viên dân số.

- Cử công chức, viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ về công tác dân số do Trung ương tổ chức.

i) Triển khai chính sách

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 32/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định mức chi bồi dưỡng hằng tháng cho cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2026 – 2030 và các văn bản văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan đến hoạt động công tác dân số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số.

k) Chương trình mục tiêu quốc gia

Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035; giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Bố trí kinh phí từ dự toán chi thường xuyên của các ngành, địa phương; kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm của tỉnh; ngân sách từ Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số; các chương trình, đề án liên quan khác theo phân cấp của pháp luật về ngân sách nhà nước; quỹ phát triển sự nghiệp của các đơn vị; nguồn xã hội hóa, đóng góp của các tổ chức, cá nhân và nguồn kinh phí hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Y tế

a) Hướng dẫn UBND các phường, xã và đơn vị liên quan tổ chức triển khai Kế hoạch này, bảo đảm gắn kết chặt chẽ với các kế hoạch, chương trình, đề án có liên quan.

b) Chủ trì, phối hợp cơ quan, đơn vị liên quan đẩy mạnh công tác truyền thông, vận động về dân số trên địa bàn tỉnh.

c) Tham mưu UBND tỉnh xây dựng, ban hành các chính sách về công tác dân số, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Tham mưu trình cấp thẩm quyền triển khai, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035 theo hướng dẫn của cơ quan quản lý

d) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch hành động này; kịp thời báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện; tổ chức sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện.

2. Giao Sở Tư pháp

Phối hợp Sở Y tế, các sở, ngành liên quan tham mưu, xây dựng và thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác dân số và phát triển trình UBND tỉnh, HĐND tỉnh xem xét, ban hành. Phối hợp quán triệt, phổ biến và tuyên truyền thực hiện các văn bản pháp luật của nhà nước liên quan đến công tác dân số và phát triển.

3. Giao Sở Nội vụ

Phối hợp Sở Y tế, UBND các xã, phường trong công tác tổ chức bộ máy, biên chế theo quy định để nâng cao hiệu quả công tác dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh; tham mưu, đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách dân số và phát triển đảm bảo theo quy định hiện hành về công tác thi đua, khen thưởng.

4. Giao Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan lồng ghép các yếu tố dân số (quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng) vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí kinh phí cho các cơ quan, đơn vị theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp Sở Y tế, các sở, ngành liên quan triển khai các chương trình, đề án, dự án về công tác gia đình, văn hóa, thể dục, thể thao góp phần thực hiện tốt công tác dân số và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

- Phối hợp các cơ quan, đơn vị kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong lĩnh vực in, phát hành đối với các cơ sở in, phát hành trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp Sở Y tế, UBND các xã, phường triển khai nhiệm vụ công tác gia đình cho đội ngũ cộng tác viên dân số theo quy định.

6. Giao Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp Sở Y tế, các sở, ngành liên quan triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nghiên cứu về công tác dân số trong tình hình mới, trên cơ sở đề xuất của Sở Y tế để có các giải pháp đồng bộ trong công tác dân số, phát triển trên địa bàn tỉnh.

7. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp Sở Y tế, các sở, ngành liên quan tăng cường giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, bình đẳng giới, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh và phòng chống tảo hôn trong nhà trường.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục đưa nội dung dân số và phát triển vào hoạt động tại đơn vị góp phần nâng cao nhận thức cho học sinh, sinh viên.

- Triển khai các chương trình, dự án trong trường học nhằm góp phần nâng cao chất lượng dân số, tầm vóc thể lực người Việt Nam.

8. Giao Sở Dân tộc và Tôn giáo

Chủ trì, phối hợp Sở Y tế, Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức tuyên truyền, phổ biến về lĩnh vực dân số và phát triển cho đồng bào dân tộc thiểu số; các chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo; phổ biến chính sách hỗ trợ cho người dân tộc thiểu số.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội

- Chỉ đạo, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt chính sách dân số trong tình hình mới. Thực hiện triển khai Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" gắn với nội dung về công tác dân số.

- Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác dân số trên địa bàn tỉnh.

10. Đề nghị Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai

- Đẩy mạnh công tác tổ chức tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, các nội dung liên quan về công tác dân số và phát triển trên các phương tiện thông tin đại chúng, xem đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng.

- Phối hợp Sở Y tế đưa tin, bài; thực hiện các chuyên trang, chuyên mục, chương trình, phóng sự về dân số và phát triển theo định kỳ. Kịp thời tuyên

truyền các gương điển hình, gương "Người tốt, việc tốt" và người có thành tích tốt trong công tác dân số và phát triển.

11. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Căn cứ Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch; chỉ đạo phối hợp liên ngành, lồng ghép yếu tố dân số trong các chương trình, dự án, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tăng cường tuyên truyền, thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật về dân số cho người dân trên địa bàn.

- Đảm bảo nguồn lực triển khai, thực hiện các hoạt động công tác dân số tại Trạm Y tế theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công tác dân số năm 2026; đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng kế hoạch tổ chức, triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ./.

Nơi nhận:
- Bộ Y tế;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai;
- UBND các xã, phường;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Tài).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Lê Trường Sơn